

VỀ BỐI CẢNH DẪN ĐẾN CUỘC BIẾN PHÁP CỦA VƯƠNG AN THẠCH THỜI BẮC TỔNG

NGUYỄN NGỌC HÙNG*

1. Bối cảnh cầm quyền và một số chính sách cơ bản của nhà Bắc Tống

Sau khi nhà Đường (618-907) một trong những triều đại hùng mạnh nhất thời phong kiến của Trung Quốc sụp đổ, đất nước Trung Hoa rơi vào cảnh hỗn loạn thời Ngũ đại Thập quốc (907- 960), trong đó các triều đại nối tiếp nhau Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu trị vì trong thời gian ngắn rồi lại bị thay thế. Đây là kết quả của tình trạng phiên trấn cát cứ dưới triều nhà Đường và tình hình rối ren vào cuối triều đại này, khiến chiến tranh xảy ra liên miên, xã hội rối loạn, nhân dân cực khổ.

Năm 960, sau cuộc binh biến ở Trần Kiều (1), Triệu Khuông Dẫn, viên tướng thống lĩnh cấm quân của nhà Hậu Chu đã lập ra nhà Tống thay thế cho nhà Hậu Chu. Tiếp đó, trong thời gian khoảng 20 năm từ năm 960 đến năm 979, Triệu Khuông Dẫn - Tống Thái Tổ và em là Triệu Quang Nghĩa - Tống Thái Tông đã tiến hành chinh phạt các thế lực cát cứ quân phiệt còn lại như Hậu Thục, Nam Hán, Ngô Việt, Bắc Hán... tái thống nhất trung nguyên, chấm dứt tình trạng chia năm sẻ bảy của thời Ngũ đại Thập quốc. Mặc dù vậy, phạm vi ảnh hưởng của nhà Tống hẹp

hơn thời nhà Đường do một số tộc người ở phía bắc và phía tây như Liêu, Hạ, Kim, Khiết Đan... không chịu thần phục nhà Tống mà thành lập các nước riêng.

Sau khi lên cầm quyền và bình định được Trung nguyên, nhà Tống đã đặt ra các chế độ, chính sách mới về đối nội và đối ngoại. Về đối nội, khác với nhà Đường, nhà Tống đề ra và thực thi các chính sách tập trung vào việc củng cố chính quyền trung ương, làm suy yếu các thế lực địa phương, coi trọng các quan văn, làm giảm vai trò của các võ quan trong triều đình. Chính sách theo xu hướng củng cố vai trò trung ương, giảm nhẹ vai trò địa phương, trọng văn khinh võ này xuất phát từ chính kinh nghiệm rút ra từ sự cai trị dưới thời nhà Đường và thực tế mà Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn đã trải qua. Vào thời nhà Đường, trong khi chính quyền trung ương có xu hướng suy yếu, các thế lực địa phương lại có nhiều quyền hành và thế lực, đây chính là một trong những nguyên nhân đã dẫn đến loạn An Lộc Sơn dưới thời Đường Minh Hoàng. Đến cuối thời nhà Đường, khi Trung Quốc rơi vào hỗn loạn, các thế lực quân phiệt cát cứ càng được dịp nổi lên. Thời kỳ này, thường người nào nắm binh quyền, có thế lực quân sự mạnh, được

*ThS. Học viện Ngoại giao

binh sĩ ủng hộ là người có cơ hội dựng vương nghiệp. Quách Uy, người sáng lập nhà Hậu Chu, cũng là một viên tướng nắm binh quyền chủ chốt của triều Hậu Hán, đã được binh sĩ ủng hộ lên làm vua. Đến Triệu Khuông Dẫn, tướng thống lĩnh cấm quân của nhà Hậu Chu, cũng đã lên làm vua trong bối cảnh tương tự. Vì vậy, Triệu Khuông Dẫn không muốn triều Tống cũng bị thay thế theo cách đó. Sau khi lập triều Tống, ông đã đem các chức quan cao, bổng lộc hậu hĩnh để thưởng cho các tướng lĩnh nhưng đổi lại là các tướng phải chấp nhận từ bỏ bớt binh quyền, buông bỏ thế lực mà họ có. Ông đã đối xử với một loạt các vị tướng từng cùng ông vào sinh ra tử, dựng vương triều với ông như Thạch Thủ Tín, Vương Phiên Kỳ... theo cách như vậy (2).

Không những vậy, Tống Thái Tổ còn cho chỉnh đốn lại cấm quân và đặt ra các chế định để kiềm chế các tướng, không cho bất kỳ ai có thể gây dựng thế lực quân sự mạnh, đe dọa sự tồn tại của triều Tống. Các biện pháp chủ yếu gồm: (i) Cải cách quân đội, làm suy yếu các thế lực quân sự địa phương, tăng cường sức mạnh của trung ương, ngăn ngừa tình trạng cát cứ. Nhà Tống chia quân đội làm bốn bộ phận chính, gồm Cấm quân (quân ở triều đình trung ương), Sương quân (quân ở các địa phương), Hương quân (dân binh ở các làng xã) và Phiên quân (quân ở các vùng biên trấn). Trong đó, Cấm quân đông, được huấn luyện và được đãi ngộ tốt hơn, còn các thứ quân còn lại có đãi ngộ thấp, không được huấn luyện; (ii) Làm xa rời quan hệ giữa tướng lĩnh và binh sĩ bằng cách thường xuyên luân chuyển tướng chỉ huy, không cho tướng lĩnh và binh sĩ có thời gian xây dựng mối quan hệ khăng khít, khiến

cho tướng chỉ huy không thể xây dựng được thế lực, tập hợp được binh sĩ ủng hộ; (iii) Ngay đối với Cấm quân tuy là lực lượng quân sự quan trọng nhất, song nhà Tống cũng hạ thấp vai trò của Cấm quân, chia nhỏ Cấm quân thành các bộ phận khác nhau để giảm sức mạnh và ảnh hưởng. Nhà Tống giao quyền chiêu mộ, canh gác, điều động Cấm quân về cho Khu mật sứ, còn tướng phụ trách Cấm quân chỉ còn quyền huấn luyện. Tất cả các biện pháp trên đều nhằm mục đích là không để xuất hiện, tái diễn việc một viên tướng có thế lực mạnh có thể đoạt vương quyền của nhà Tống.

Bên cạnh chính sách tổ chức quân đội, chính sách thuế khóa của nhà Tống cũng theo hướng tập trung nguồn lực về trung ương, giảm bớt nguồn lực của địa phương. Trước đây, thời nhà Đường, các phiên trấn địa phương thu được tiền thuế sẽ chia làm ba khoản: thượng cung (nộp lên trên), tổng lại (chi dùng) và lưu châu (dự phòng). Các phiên trấn thường được giữ lại nhiều tiền thu thuế, có nguồn lực mạnh, từ đó có tiền chiêu mộ, huấn luyện, dưỡng quân mà nảy sinh ý đồ đối kháng lại triều đình trung ương. Nhà Đường suy yếu và diệt vong cũng chính vì nạn phiên trấn cát cứ mạnh mà trung ương suy yếu. Nhà Tống thấy vậy nên mới quy định cơ quan thuế do trung ương phụ trách, thuế thu được chỉ một phần nhỏ để lại địa phương còn tập trung phần lớn về trung ương.

Về tổ chức bộ máy, nhà Tống đặt ra các chế định mới để củng cố vai trò của nhà vua, giảm bớt vai trò của các quan đại thần. Thời nhà Đường, quyền của Tể tướng rất lớn, chủ trì mọi việc chính sự của triều đình. Nhà Tống lại định ra chế độ khác, cho đặt chức Đồng Trung thư môn hạ bình

chương sự (tương đương Tể tướng) lo về chính trị, lại đặt ra Khu Mật viện (người đứng đầu là Khu Mật viện sứ) nắm quyền chỉ huy quân sự, khiến cho Phủ Tể tướng và Phủ Khu Mật viện (đương thời gọi là Nhị phủ) nắm hai quyền quan trọng về chính trị và quân sự độc lập với nhau. Còn quyền về tài chính được nhà Tống giao cho Tam Ty (3). Như vậy, theo quy định của nhà Tống, Tể tướng chủ về chính trị, Khu Mật viện chủ về việc binh, Tam Ty chủ về tài chính, quyền hành về chính trị, quân sự, tài chính thuộc các nhánh khác nhau, độc lập với nhau và đều phải tấu lên để nhà vua quyết định. Nhà Tống lại đề cao các chức Ngự sử đài, Giám viện... là các chức có quyền tiến cử, hạch tội các quan lại, làm tai mắt cho nhà vua.

Về đối ngoại, triều đại nhà Tống được thành lập và trị vì trung nguyên trong bối cảnh các tộc người xung quanh, nhất là ở phía bắc và phía tây rất mạnh. Sau khi làm chủ trung nguyên, các vua đầu nhà Tống đã cố gắng phát động chiến tranh để thu phục các tộc người phía bắc và thu hồi các vùng đất bị chiếm (gồm mười sáu châu ở đất Yên Vân (4)). Tuy nhiên, nhà Tống đã phải đối mặt với lực lượng quân sự mạnh, thiện chiến của các tộc người phía bắc, không những không thể đánh bại họ mà còn thường xuyên bị họ tiến công, quấy phá, xâm chiếm đất đai. Vì thế, trong chính sách đối với các tộc người phía bắc và phía tây, nhà Tống đã phải tiến hành xen kẽ các biện pháp quân sự và ngoại giao. Tống Thái Tông sau nhiều năm chinh chiến không thành công đã phải chủ trương “thủ nội hư ngoại”, tức là giữ lấy bên trong là chính, bên ngoài thì cố gắng cầu hòa, giải quyết ổn thỏa mọi việc, kể cả phải cống

nộp, bồi thường, cắt đất... cho các tộc người phía bắc và phía tây nhằm giữ yên ổn triều đình, giữ vững quyền cai trị trung nguyên.

2. Những khó khăn mà nhà Tống phải đối mặt và yêu cầu cải cách

Những chính sách đối nội, đối ngoại được đặt ra từ đầu thời Tống đã giúp nhà Tống ngăn ngừa được tình trạng quân phiệt cát cứ, tránh được việc bị tướng lĩnh soán ngôi như các triều trước, giúp nhà Tống tạm thời yên ổn để cai trị trung nguyên; kinh tế, xã hội cũng có những bước phát triển mới quan trọng. Nhà Tống đã phát hành tiền giấy trên phạm vi toàn quốc và thành lập lực lượng hải quân thường trực, thuốc súng và la bàn cũng được đưa vào sử dụng. Sự phổ biến nhanh chóng của nghề in khắc gỗ và sự ra đời của kỹ thuật in chữ rời vào thời Tống đã giúp văn học, tri thức được phổ biến rộng rãi. Các lĩnh vực triết học, khoa học kỹ thuật đều có những bước phát triển mạnh mẽ (5). Tuy nhiên, trong khi xã hội đạt được các thành tựu về kinh tế, văn hóa kể trên, các chính sách, chế định đặt ra thời nhà Tống cũng gây ra những tác động tiêu cực, khiến cho tình hình kinh tế, quân sự, ngoại giao dưới thời nhà Tống gặp rất nhiều khó khăn, quốc gia không thể thực hiện được “quốc phú binh cường” mà ngược lại ngày càng suy yếu.

Trước hết, các chính sách, chế định đặt ra ở trên, nhất là chính sách đối cao quan hậu lộc lấy binh quyền, trọng văn khinh võ đã khiến cho dưới thời nhà Tống tồn tại một số đông tầng lớp quan lại, binh lính quan liêu, đông đảo, ăn lộc của triều đình hậu hĩnh nhưng lại không làm việc, đóng góp cho triều đình. Thời nhà Tống có thể nói là thời kỳ điển hình của tệ nạn quan lại quan liêu trong lịch sử phong kiến Trung

Quốc. Trong khoảng gần 100 năm thành lập, số lượng quan lại đã tăng lên nhanh chóng: đời Tống Chân Tông (997 - 1022) triều đình văn võ bá quan có 9.700 người, đến đời Tống Nhân Tông (1022 - 1063) tăng lên 17.000 người, đến đời Tống Anh Tông (1063 - 1067) đã tăng tiếp lên 24.000 người (6). Trong khi đó, đời sống nông dân cực khổ, dẫn đến nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra. Ở Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Đông, Thiểm Tây, Tứ Xuyên, Hồ Bắc, Hồ Nam và những nơi khác, nông dân nổi dậy khắp nơi. Năm 993, nổ ra cuộc nổi dậy của nông dân do Vương Tiểu Ba và Lý Thuận lãnh đạo. Những cuộc nổi dậy mạnh mẽ nhất phải kể đến cuộc khởi nghĩa Vương Luân ở Sơn Đông, Trương Hải ở Thiểm Tây. Năm 1047, Vương Tắc lãnh đạo một cuộc nổi dậy của binh lính và nông dân ở Hà Bắc, tự xưng là Đông bình quận vương. Các cuộc khởi nghĩa của Tống Giang, khởi nghĩa của Phương Lạp vào cuối thời Bắc Tống khiến nhà Tống càng thêm suy yếu. Trước tình hình khởi nghĩa nông dân ở nhiều nơi, vua Tống Nhân Tông đã phải than thở: "Không ai trong các quan đại thần đã làm được gì cho đất nước, vậy thì việc vào cung mỗi ngày có ích lợi gì?" Thực tế, trước cuộc cải cách của Vương An Thạch, triều đại nhà Tống bề ngoài có vẻ hùng mạnh nhưng thực tế đã phải đối mặt với tình trạng rất khó khăn.

Thứ hai, quan lại đông, binh lính đông đã trở thành gánh nặng chi phí to lớn đối với nhà Tống. Các quan lại được phong nhiều ruộng đất, hưởng bổng lộc hậu hĩnh khiến cho ngân khố không thể kham nổi. Chính sách quân đội của nhà Tống cũng khiến cho số lượng binh lính tăng nhanh. Vào thời vua Tống Thái Tổ, quân số của nhà Tống chỉ có hơn 37 vạn quân nhưng

đến thời vua Tống Nhân Tông, quân số đã tăng lên đến hơn 125 vạn quân (7). Chi tiêu quân sự hàng năm chiếm phần lớn tổng thu ngân sách của triều đình. Không những thế, nhà Tống hàng năm cũng phải cống tặng một số lượng lớn tiền bạc cho các tộc ở phía bắc và phía tây để đổi lấy yên ổn vùng biên giới. Các khoản chi này bào mòn thêm ngân khố của nhà Tống. Đó là chưa kể chi tiêu cho hoàng gia cũng vô cùng tốn kém. Do những nguyên nhân chính nêu trên, tài chính của triều đình nhà Tống ngày càng thâm hụt, quốc khố đối mặt với nguy cơ khủng hoảng nghiêm trọng.

Thứ ba, về đối ngoại, chính sách "thủ nội hư ngoại" khiến nhà Tống được tạm yên ổn nhưng luôn ở trong thế yếu, thường xuyên bị các tộc người phía bắc, phía tây quấy nhiễu ở vùng biên cương. Quân đội đông nhưng sức chiến đấu yếu kém, biên giới không được canh phòng cẩn mật. Nội bộ triều đình nhà Tống lại mâu thuẫn giữa phe chủ hòa và phe chủ chiến. Quân các tộc người phía bắc biết nhà Tống bạc nhược, nên càng được thể lấn tới. Nhà Tống phải thường xuyên nộp chiến phí, cống nạp, khiến cho đất nước càng ngày càng suy yếu, mà đỉnh điểm là sự kiện "nhục Tĩnh Khang" năm 1127 sau này, vua nhà Tống bị quân nước Kim bắt và làm nhục, triều Bắc Tống (960 - 1127) phải chạy xuống phía nam lập đô ở Lâm An (Hàng Châu ngày nay), sử gọi là triều Nam Tống (1127 - 1279).

Như vậy, sau gần 100 năm dựng triều, nhà Bắc Tống đã phải đối mặt với nhiều khó khăn cả về nội trị lẫn ngoại giao. Tình hình khó khăn như trên đã khiến cho nhà Tống buộc phải thúc đẩy cải cách nhằm cứu vãn tình thế. Trong nội bộ triều đình đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận giữa các phái khác nhau xoay quanh vấn đề cải cách. Năm Khánh Lịch thứ 3 dưới thời vua Tống

Nhân Tông (1043), Phạm Trọng Yêm (989-1052) được nhà vua trọng dụng, thăng chức làm Tham tri chính sự (Phó tể tướng), đã tiến hành một cuộc cải cách mà lịch sử gọi là "Khánh Lịch tân chính". Phạm Trọng Yêm với tâm nguyện "lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ", đã cùng một số đại thần khác như Âu Dương Tu... dâng tấu sớ lên Tống Nhân Tông, đề xuất 10 điểm cải cách cấp thiết. Tấu sớ của Phạm Trọng Yêm được Tống Nhân Tông phê chuẩn, ban hành ra toàn quốc để thực hiện, gọi là "tân chính". Nhà vua ban hành 7 đạo chiếu dụ để thực thi các đề xuất trong tân chính. Tuy nhiên, một số chính sách trong "tân chính" đã động chạm đến quyền lợi của các giới quan lại, bị phản ứng mạnh khiến vua Tống Nhân Tông dao động. Năm 1045, sau chưa đầy hai năm thực hiện "tân chính", Tống Nhân Tông đã phải bãi chức của Phạm Trọng Yêm, chấm dứt thực thi "Khánh Lịch tân chính".

Năm 1058, Vương An Thạch (1021-1086) đang là một viên quan địa phương ở Giang Đông được tiến cử vào triều. Ông đã dâng lên Tống Nhân Tông tấu sớ "vạn ngôn thư" hàng nghìn chữ, đề nghị tiến hành cải cách toàn diện những chế độ, chính sách đã được thiết lập từ đầu đời Tống. Vương An Thạch cho rằng nếu không cải cách thì cái họa nhà Hán mất vì giặc hoàng cân (giặc khăn vàng), nhà Đường mất vì khởi nghĩa Hoàng Sào sẽ lặp lại. Tuy nhiên, đề xuất cải cách của ông lúc ban đầu không được Tống Nhân Tông và vua kế vị là Tống Anh Tông coi trọng. Sau khi vua Tống Thần Tông 19 tuổi lên ngôi năm 1068, Vương An Thạch lúc đó làm chức Hàn lâm học sĩ thị tùng đã có cơ hội cùng với Tống Thần Tông nghị luận đạo trị nước. Nhà vua nghe

Wang An Thạch nghị luận có nhiều điều hợp ý. Năm Hy Ninh thứ hai (1069), vua Tống Thần Tông đã thăng chức cho Vương An Thạch làm Tham tri chính sự, đến năm 1070 lại thăng tiếp làm Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự (tương đương chức tể tướng), chủ trì việc thực hiện biến pháp.

3. Kết luận

Triều đại Bắc Tống sau khoảng 100 năm thành lập đã phải đối mặt với nhiều khó khăn cả về đối nội lẫn đối ngoại, bên trong quốc khố thâm hụt, bên ngoài giặc già uy hiếp, tiềm lực quốc gia ngày càng suy yếu, đe dọa sự tồn vong của triều đại. Bối cảnh đó đã dẫn đến yêu cầu bắt buộc phải tiến hành cải cách nhằm cứu vãn nguy cơ sụp đổ đối với triều đình nhà Tống. Dưới triều vua Tống Nhân Tông, đã có cuộc vận động cải cách do Phạm Trọng Yêm khởi xướng với tên gọi Khánh Lịch tân chính, tuy nhiên chỉ được thực thi trong thời gian ngắn rồi chấm dứt, không giải quyết được những đòi hỏi cấp bách của nhà Tống lúc đó. Trong bối cảnh như vậy, Vương An Thạch (1021-1086) được sự tin cậy và ủng hộ của vua Tống Thần Tông, đã khởi xướng và chủ trì tiến hành cuộc biến pháp mà sử gọi là "biến pháp Vương An Thạch", thực hiện từ năm 1069 đến 1085. Có thể nói, cuộc biến pháp xuất phát từ yêu cầu hết sức cấp thiết của chính triều đình nhà Tống, nhằm cứu vãn sự suy yếu và nguy cơ sụp đổ đã được nhìn thấy rõ của nhà Tống. Vậy cuộc biến pháp này có nội dung như thế nào, mang lại kết quả ra sao, có giúp cứu vãn sự suy yếu và sụp đổ của nhà Tống hay không, những câu hỏi này tác giả xin phép sẽ xem xét, phân tích trong một bài nghiên cứu tiếp theo.

CHÚ THÍCH

(1). Binh biến Trần Kiều: dưới thời vua Chu Cung Đế nhà Hậu Chu mới 7 tuổi, quan Quy Đức quân Tiết độ sứ kiêm Cấm quân thủ lĩnh, Điện tiền đô điểm úy Triệu Khuông Dẫn phao tin quân nhà Liêu và nhà Bắc Hán hợp binh chuẩn bị tiến xuống phía Nam, triều đình liền phái Triệu Khuông Dẫn lĩnh cấm quân đi phòng ngự. Triệu Khuông Dẫn dẫn quân đi đến Trần Kiều, cách Khai Phong 20 dặm (nay thuộc Hà Nam) liền phát động binh biến. Em trai của ông là Triệu Khuông Nghĩa (sau đổi là Triệu Quang Nghĩa) vận động quân sĩ ủng hộ, mang áo hoàng bào khoác lên người của Triệu Khuông Dẫn, tôn ông làm hoàng đế. Tháng 4 năm Hiên Đức thứ 7 (năm 960) Triệu Khuông Dẫn dẫn quân về kinh thành Khai Phong, bức vua Chu Cung Đế phải nhường ngôi vị, lập ra nhà Tống.

(2). Sử chép: một buổi văn triều, Tống Thái Tổ cho mời bọn Thạch Thủ Tín, Vương Phiên Kỳ vào uống rượu, rồi nói: Ta không có các người không có được ngày nay. Nhưng ta làm thiên tử mà không vui như khi làm Tiết độ sứ, không được kê cao gối mà ngủ. Các tướng nói: Nay thiên hạ đã định, có ai còn dám mang ý khác. Bệ hạ sao lại nói như vậy? Tống Thái Tổ đáp: Người ta ai mà không ham phú quý. Một khi có áo hoàng bào khoác lên người, tuy không muốn nhưng mà có từ chối không. Bọn tướng lại nói: Xin bệ hạ chỉ rõ.

Tống Thái Tổ nói: Đời người chẳng được bao, không bằng các người lấy của cải vàng bạc cho con cháu, kẻ hầu người hạ để hưởng thú vui, giữa quân thần chẳng có chút hiềm nghi, như thế chẳng vui sao. Bọn tướng đều nói: Bệ hạ nghĩ như vậy, thật là chỗ sinh tử cốt nhục. Thế rồi hôm sau bọn đó đều cáo bệnh, giải tán binh mã. Vua theo đó mà cho làm các chức quan không có thực quyền nhưng hưởng bổng lộc hậu hĩnh, rồi cho những kẻ ít tham vọng hơn thay thế nắm cấm quân.

(3). Diêm Thiết, Độ Chi, Hộ Bộ hợp xưng là Tam Ty.

(4). Túc “Yên Vân thập lục châu”, một vùng đất do người Khiết Đan kiểm soát, được coi như một phần của Trung Quốc bản thổ, gồm hầu hết các phần lãnh thổ Bắc Kinh và Thiên Tân ngày nay.

(5). Thời nhà Tống có nhiều nhân vật nổi tiếng trong các lĩnh vực: nhà triết học như Trình Hạo, Trình Di; sử học như Tư Mã Quang; nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Tô Đông Pha; các vị tướng nổi tiếng như Nhạc Phi, Hàn Thế Trung; quan thanh liêm như Bao Chửng...

(6). Dẫn theo Phan Thụ Chí, *Quốc sử khái yếu*, Nxb. Tam liên thư điểm, Hương Cảng, 2001, tr. 266.

(7). Dẫn theo Phan Thụ Chí, *Quốc sử khái yếu*, Nxb. Tam liên thư điểm, Hương Cảng, 2001, tr.264.